

số: 4331/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 30 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 2157/2022/HNST ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: **7 Đường D, khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

2/ Ông **Lưu Nguyên K**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: **7 Đường D, khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà **Nguyễn Thị V** và ông **Lưu Nguyên K** đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 110, quyển số 1/2004 ngày 17/9/2004 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tại biên bản hòa giải thành ngày 22/11/2022 bà **Nguyễn Thị V** và ông **Lưu Nguyên K** đã thống nhất như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lê Thị Mỹ D** và ông **T** Hùng Mạnh thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 người con chung **Lưu Nguyễn Trung K1**, sinh ngày 30/8/2006.

Bà **Nguyễn Thị V** và ông **Lưu Nguyễn K** thống nhất giao con chung cho bà **Nguyễn Thị V** trực tiếp nuôi dưỡng người con chung. Bà **Nguyễn Thị V** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà **Nguyễn Thị V** và ông **Lưu Nguyễn K** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Nợ chung: Bà **Nguyễn Thị V** và ông **Lưu Nguyễn K** xác định không có.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 22/11/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị V** và ông **Lưu Nguyễn K** thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Có 01 người con chung **Lưu Nguyễn Trung K1**, sinh ngày 30/8/2006.

Bà **Nguyễn Thị V** và ông **Lưu Nguyễn K** thống nhất giao con chung cho bà **Nguyễn Thị V** trực tiếp nuôi dưỡng người con chung. Bà **Nguyễn Thị V** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3 Về tài sản chung: Bà **Nguyễn Thị V** và ông **Lưu Nguyễn K** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị V và ông Lưu Nguyên K xác định không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị V và ông Lưu Nguyên K đã nộp theo biên lai thu tiền số 0028266 ngày 20/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà Nguyễn Thị V và ông Lưu Nguyên K đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THA DS thành phố Thủ Đức;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lưu Minh Tú